

Bản án số: **09/2021/DS-ST**.

Ngày: 12/3/2021.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT – TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nguyễn Văn Đoạt

2. Ông: Vũ Đức Kiều

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quốc Từng - Thư ký TAND huyện Hòn Đất.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hậu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 341/2020/TLST - DS ngày 09/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXXST - DS ngày 26 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị G**, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Tổ x, ấp B, xã B, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Phan Mạnh D**, sinh năm 1985 (Có mặt)

Địa chỉ: Số: x đường T, khu phố y, phường A, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Bà **Lê Thị Thùy L**, sinh năm 1993 (Có mặt)

Ông Trần Tuấn A, sinh năm 1992 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ y, Khu phố T, thị trấn H, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/8/2020, quá trình tố tụng nguyên đơn bà **Nguyễn Thị G** và tại phiên tòa người đại diện ủy quyền nguyên đơn ông **Phan Mạnh D** trình bày như sau:

Trong thời gian tháng 6 và tháng 7 năm 2020, bà Nguyễn Thị G cho vợ chồng chị Lê Thị Thùy L và anh Trần Tuấn A vay 02 lần tiền, lần thứ nhất ngày 25/6/2020 vay số tiền gốc là 35.000.000 đồng, khi vay chị Lê Thị Thùy L và anh Trần Tuấn A nhờ bà Nguyễn Thị G làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất cho người khác, hai bên ước lượng tiền thuế và chi phí chuyển quyền sử dụng đất thì chị L và anh Tuấn A có viết biên nhận cho bà Nguyễn Thị G số tiền là “chín mươi hai triệu” tuy nhiên số tiền vay thực tế là 35.000.000 đồng; Lần thứ 2 ngày 01/7/2020 bà G cho chị L và anh Trần Tuấn A vay thêm 6.000.000 đồng. Tổng cộng 02 lần vay là 41.000.000 đồng, khi vay hai bên không có thỏa thuận lãi suất. Mục đích vay tiền để chuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà chị Lê Thị Thùy L và anh Trần Tuấn A đang thế chấp ở ngân hàng ra để sang tên cho người khác, tuy nhiên do vướng thủ tục nên không sang tên quyền sử dụng đất được nên anh Trần Tuấn A và chị L không thanh toán nợ cho ngân hàng, bà Nguyễn Thị G yêu cầu anh Trần Tuấn A và chị Lê Thị Thùy L trả số tiền vay nhưng anh Trần Tuấn A và chị Lê Thị Thùy L chỉ hứa mà không thanh toán nên bà G làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn khởi kiện Bà Nguyễn Thị G yêu cầu bị đơn chị Lê Thị Thùy L và anh Trần Tuấn A phải trả số tiền vay gốc là 98.000.000 đồng; Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải bà Nguyễn Thị G cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền ông Phan Mạnh D rút lại một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền vay gốc là 57.000.000 đồng, nay chỉ yêu cầu chị Lê Thị Thùy L và anh Trần Tuấn A liên đới thanh toán cho bà Nguyễn Thị G số tiền vay gốc là 41.000.000 đồng và yêu cầu thanh toán khoản tiền lãi kể từ ngày 01/8/2020 đến ngày 01/01/2021 là 5 tháng, lãi suất 1.2%/tháng, số tiền lãi là 2.460.000 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 43.460.000 đồng, ông Phan Mạnh D yêu cầu bị đơn thanh toán nợ một lần cho bà Nguyễn Thị G khi án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra đại diện ủy quyền không trình bày cũng như yêu cầu gì thêm.

Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa bị đơn chị Lê Thị Thùy L và anh Trần Tuấn A trình bày như sau:

Chị Lê Thị Thùy L, anh Trần Tuấn A là vợ chồng. Anh, chị thừa nhận có vay của bà Nguyễn Thị G 02 lần tiền, 01 lần vay 35.000.000 đồng, 01 lần 6.000.000 đồng, tổng cộng 02 lần vay là 41.000.000 đồng như lời người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày là đúng. Kể từ khi vay anh Trần Tuấn A và chị Lê Thị Thùy L chưa thanh toán cho bà Nguyễn Thị G được bất kỳ khoản tiền nào. Mục đích

khi vay là để thanh toán nợ tại ngân hàng lấy quyền sử dụng đất sang tên cho chị của chị L để vay lại trả tiền cho bà G, tuy nhiên sau khi kiểm tra thông tin thì chị của chị L bị nợ xấu nên anh chị không thanh toán nợ cho ngân hàng mà dùng tiền vay của bà G đầu tư làm ăn nhưng thất bại nên không có tiền trả lại cho bà Nguyễn Thị G.

Nay, anh Trần Tuấn A và chị Lê Thị Thùy L đồng ý liên đới thanh toán cho bà Nguyễn Thị G số tiền nợ gốc là 41.000.000 đồng và đồng ý trả lãi kể từ ngày 01/8/2020 đến ngày 01/01/2021, lãi suất 1.2%/tháng, tiền lãi là 2.460.000 đồng. Tổng cộng cả nợ vay gốc và lãi là 43.460.000 đồng. Tuy nhiên hiện tại hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên xin được trả dần số tiền nợ cho bà Nguyễn Thị G theo tháng, mỗi tháng trả 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Ngoài ra anh Trần Tuấn A và chị Lê Thị Thùy L không trình bày gì thêm.

Các tình tiết mà các bên đã thống nhất: Nguyên đơn yêu cầu anh Trần Tuấn A và chị Lê Thị Thùy L liên đới trả số tiền vay gốc còn nợ tổng cộng cả gốc và lãi là 43.460.000 đồng. (Trong đó nợ gốc là 41.000.000 đồng và khoản tiền lãi là 2.460.000 đồng), anh Trần Tuấn A và chị Lê Thị Thùy L thừa nhận còn nợ và đồng ý trả cho bà Nguyễn Thị G số tiền gốc và lãi là 43.460.000 đồng như nguyên đơn yêu cầu.

Các tình tiết mà các bên chưa thống nhất : Nguyên đơn yêu cầu anh Trần Tuấn A và chị Lê Thị Thùy L thanh toán số tiền nợ một lần khi án có hiệu lực pháp luật ; anh Trần Tuấn A và chị Lê Thị Thùy L xin được trả dần theo tháng , mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất , tỉnh Kiên Giang phát biểu ý kiến về tuân theo pháp luật tố tụng và nội dung vụ án như sau:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đúng và đầy đủ các quy định về thủ tục tố tụng được quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu thu thập có trong hồ sơ và diễn biến công khai tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc anh Trần Tuấn A và chị Lê Thị Thùy L liên đới thanh toán số tiền vay gốc còn nợ là 41.000.000 đồng và tiền lãi là 2.460.000 đồng cho bà Nguyễn Thị G.

Đinh chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với phần tiền nợ gốc là 57.000.000 đồng.

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật, bà Nguyễn Thị G không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị G yêu cầu bị đơn anh Trần Tuấn A và chị Lê Thị Thùy L liên đới trả số tiền vay còn nợ cả gốc và lãi, đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản ; Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Hòn Đất theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nội dung:

[2.1] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn liên đới thanh toán số tiền nợ gốc:* Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa nguyên đơn trình bày có cho vợ chồng bị đơn vay tổng số tiền gốc là 41.000.000 đồng, bị đơn đều thừa nhận có vay của nguyên đơn số tiền vay gốc là 41.000.000 đồng. Như vậy, việc vay tiền và số tiền vay là đúng sự thật được các đương sự xác nhận nên coi đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Kể từ khi vay bị đơn chưa thanh toán được khoản tiền nào cho nguyên đơn mặc dù nguyên đơn yêu cầu thanh toán nợ vay nhiều lần, nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn liên đới thanh toán số tiền vay gốc còn nợ là 41.000.000 đồng thì bị đơn đồng ý liên đới thanh toán số tiền vay còn nợ như nguyên đơn yêu cầu. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, theo quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử buộc bị đơn chị Lê Thị Thùy L và anh Trần Tuấn A có nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền vay gốc là 41.000.000 đồng cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị G.

[2.2] *Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn:* Nguyên đơn yêu cầu tính lãi kể từ ngày 01/8/2020 đến ngày 01/01/2021 là 05 tháng, lãi suất yêu cầu là 1.2%/tháng, số tiền lãi là 2.460.000 đồng, bị đơn đồng ý thanh toán khoản tiền lãi như nguyên đơn yêu cầu, xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận và buộc bị đơn chị Lê Thị Thùy L và anh Trần Tuấn A thanh toán cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị G khoản tiền lãi là 2.460.000 đồng

Như vậy, Tổng cộng cả gốc và lãi Hội đồng xét xử buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là 43.460.000 đồng.

[3] *Xét yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:* Quá trình tố tụng nguyên đơn cũng như tại phiên tòa đại diện ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vay gốc là 57.000.000đồng. Xét thấy số tiền này thực tế nguyên đơn không giao cho bị đơn, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với phần tiền là 57.000.0000 đồng.

[4] *Xét ý kiến của bị đơn xin được thanh toán từng lần số tiền nợ gốc và lãi:* Bị đơn có ý kiến xin được thanh toán từng lần khoản tiền 43.460.000 đồng theo tháng, mỗi tháng thanh toán 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Hội đồng xét xử xét thấy, ý kiến này của bị đơn không được đại diện ủy quyền của nguyên đơn chấp nhận, khả năng thanh toán nợ sẽ được xem xét ở giai đoạn thi hành án, do đó không có cơ sở để hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến được thanh toán nợ từng lần của bị đơn.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm : Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải liên đới chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải liên đới trả cho nguyên đơn: Cụ thể $43.460.000\text{đồng} \times 5\% = 2.173.000 \text{ đồng}$

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 244; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 27, 37 luật Hôn nhân gia đình năm 2014

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị G yêu cầu chị Lê Thị Thùy L và anh Trần Tuấn A liên đới thanh toán nợ vay gốc và lãi.

2. Buộc chị Lê Thị Thùy L và anh Trần Tuấn A liên đới thanh toán cho bà Nguyễn Thị G số tiền nợ vay gốc và lãi là 43.460.000đồng (Bốn mươi ba triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng), Trong đó nợ gốc là 41.000.000đồng (Bốn mươi một triệu đồng), nợ lãi là 2.460.000 đồng (hai triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà Nguyễn Thị G có đơn yêu cầu thi hành án phía chị Lê Thị Thùy L và anh Trần Tuấn A còn phải chịu một khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền gốc chậm thi hành án cho đến khi thi hành xong bản án.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với phần tiền là 57.000.000đ (Năm mươi bảy triệu đồng)

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Lê Thị Thùy L và anh Trần Tuấn A phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.173.000 (Hai triệu một trăm bảy mươi ba nghìn đồng)

Trả lại cho bà Nguyễn Thị G tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.450.000đồng (Hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001167 ngày 16/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất.

5./ Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS nhân dân huyện Hòn Đất;
- Chi cục THA DS huyện.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Văn Phúc